

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 495/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 29 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Chiến lược bảo vệ
môi trường tỉnh Bắc Giang đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Quyết định số 256/2003/QĐ-TTg ngày 02/12/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 411/TTr-TNMT ngày 09/11/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, với các nội dung sau:

I. Quan điểm về bảo vệ môi trường

1. Bảo vệ môi trường phải gắn kết với phát triển kinh tế và bảo đảm tiến bộ xã hội để phát triển bền vững, bảo vệ môi trường của tỉnh phải gắn với bảo vệ môi trường quốc gia;

2. Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân; phải tích cực huy động sự tham gia của mọi tầng lớp trong xã hội; phải nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm đồng thời đẩy mạnh công tác cưỡng chế tuân thủ pháp luật;

3. Bảo vệ môi trường trong giai đoạn mới phải ưu tiên phòng ngừa, kết hợp với khắc phục ô nhiễm, suy thoái và cải thiện chất lượng môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, tính đến yếu tố tác động của biến đổi khí hậu theo đặc thù của địa phương;

4. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gây ô nhiễm, suy thoái môi trường có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại và chịu các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

II. Định hướng đến năm 2030

Ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái tài nguyên và đa dạng sinh học, cải thiện chất lượng môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, đặt nền

móng cho nền kinh tế xanh, xã hội các bon thấp vì sự thịnh vượng và phát triển bền vững đất nước.

III. Mục tiêu chiến lược

1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2020

Hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường; phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường; gìn giữ và sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên; bảo tồn duy trì hệ sinh thái địa phương và đa dạng sinh học vốn có; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Mục tiêu cụ thể đến 2020

2.1. Về hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm

a) 100% dự án chiến lược, quy hoạch, kế hoạch được đánh giá môi trường chiến lược; 100% dự án đầu tư được thẩm định, kiểm tra, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường trước khi vận hành; 100% các cơ sở đang hoạt động chưa có đánh giá tác động môi trường thực hiện đề án bảo vệ môi trường; phần đầu 100% các dự án đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường được xác nhận hoàn thành công trình xử lý chất thải theo quy định; 80% các cơ sở sản xuất, kinh doanh có đề án bảo vệ môi trường được phê duyệt hoặc đăng ký;

b) Đến năm 2015, phần đầu thực hiện một số chỉ tiêu: 100% các khu, cụm công nghiệp, phải có hệ thống xử lý nước thải tập trung; 100% các cơ sở sản xuất mới phải áp dụng công nghệ sạch và trang thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường; thu gom 90% chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp và xử lý trên 60% chất thải nguy hại; phần đầu 50% các thôn, bản có điểm chôn lấp rác thải và có tổ, đội vệ sinh môi trường. Tỷ lệ dân số thành thị được sử dụng nước sạch 99%, tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh 88%. Về y tế: 100% nước thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung; nâng cấp, cải tạo các bệnh viện, trung tâm y tế phần đầu 100% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế;

c) 33 làng nghề trong danh sách Quyết định 170/QĐ-UBND ngày 02/11/2010 của UBND tỉnh được đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải hoặc rác thải hoặc hệ thống thu gom xử lý chất thải phù hợp cho từng loại hình làng nghề khác nhau.

2.2. Về khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường

a) Xử lý 100% các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng;

b) Cải thiện, nâng cao chất lượng nước sông Thương, sông Lục Nam đạt quy chuẩn quốc gia về nước mặt cho sản xuất và sinh hoạt;

c) Tỷ lệ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 100%.

2.3. Về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

a) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 43% (kể cả diện tích cây ăn quả trên đất lâm nghiệp);

b) Giữ được diện tích các khu bảo tồn, các hệ sinh thái tự nhiên hiện có;

c) Các loài hoang dã trên địa bàn được bảo vệ, giảm từng bước và tiến tới ngăn chặn tình trạng khai thác và tiêu thụ các loài hoang dã trên địa bàn;

d) Các nguồn gen quý hiếm, nguồn gen bản địa thuộc địa bàn tỉnh được bảo tồn, phát huy giá trị.

2.4. Về ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Triển khai thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh Bắc Giang;

b) Biến đổi khí hậu được lồng ghép vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, ngành, lĩnh vực của tỉnh;

c) Nhận thức của cộng đồng về biến đổi khí hậu được nâng cao;

d) Các giải pháp về năng lượng tái tạo, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng được thúc đẩy;

đ) Các biện pháp giảm nhẹ thiệt hại do các tác động của biến đổi khí hậu được triển khai thực hiện, nhất là trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

IV. Các nhiệm vụ của Chiến lược

1. Phòng ngừa, ngăn chặn và kiểm soát ô nhiễm môi trường: Đẩy mạnh phòng ngừa ô nhiễm môi trường; kiểm soát ô nhiễm môi trường từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và sinh hoạt; kiểm soát ô nhiễm môi trường làng nghề;

2. Phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường: Xử lý và phục hồi các điểm nóng về môi trường; nâng cao chất lượng nước ở các lưu vực sông; nâng cao hiệu quả quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại; cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường không khí khu vực đô thị, thực hiện các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường tại các khu dân cư, cải thiện môi trường nông thôn gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới; đẩy mạnh các biện pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm;

3. Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: Bảo vệ và phát triển rừng, gắn bảo tồn thiên nhiên với giảm nghèo; bảo tồn các giống loài và nguồn gen;

4. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu: Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, tích cực thực hiện các biện pháp giảm nhẹ biến đổi khí hậu; thực hiện tốt Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2010-2015 tầm nhìn đến năm 2020.

V. Các giải pháp thực hiện Chiến lược

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm về bảo vệ môi trường;

2. Nâng cao hiệu lực của chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường;

3. Tăng cường đầu tư cho bảo vệ môi trường;

4. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường;

5. Tăng cường quan trắc, thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường;

6. Tăng cường hợp tác quốc tế và trong nước về bảo vệ môi trường;

7. Thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật trong bảo vệ môi trường.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện Chiến lược; theo dõi, đôn đốc định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chiến lược với UBND tỉnh, Tỉnh uỷ theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố tổ chức và xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung của Chiến lược có liên quan đến ngành và địa phương.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn khác để thực hiện có hiệu quả các nội dung của Chiến lược.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện Chiến lược, nếu có khó khăn, vướng mắc các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, đơn vị liên quan phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh, Tỉnh uỷ xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, các đơn vị liên quan, chủ tịch UBND các huyện, thành phố căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lại Thanh Sơn